

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **70/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 - 8 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Ông Thiều Hoàng Mới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án số: 610/2021/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án số: 635/2021/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà R. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà R trình bày: Vào năm 2010, bà R và ông T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2010. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là cháu X sinh ngày 17/5/2010 và cháu Y sinh ngày 26/11/2013, hai cháu hiện đang sống với bà R. Do vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau.

Hiện nay, cháu X và cháu Y đang sống với bà R ở gia đình bên ngoại (ông R1 và bà R2) tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, sống cũng đã được

khoảng 01 năm nay. Cháu X học lớp 5 và cháu Y học lớp 2 ở Trường tiểu học C1 2, cách nhà ngoại khoảng 01km, cách nhà nội khoảng 02km. Hiện nay, hai cháu đi học mỗi ngày do ông ngoại đưa đi học. Bà R làm vườn, nuôi heo thu nhập hàng tháng khoảng 3.000.000đồng - 4.000.000đồng. Hàng tháng, ông bà ngoại cũng có hỗ trợ phần nào để nuôi hai cháu. Ngoài ra, sau khi ly hôn thì gia đình bên ngoại có hứa là sẽ cho đất vườn để bà R làm kiếm thêm thu nhập nuôi hai cháu. Thu nhập của ông T hiện nay thì bà R không rõ.

Nay bà R nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà R được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Bà R yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và cháu Y đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà R và ông T tự thỏa thuận, nên bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết; trường hợp hai bên có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày: Hiện nay, cháu X và cháu Y đang sống với bà R ở gia đình bên ngoại (ông R1 và bà R2) tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, sống cũng đã được khoảng 01 năm nay. Cháu X học lớp 5 và cháu Y học lớp 2 ở Trường tiểu học C1 2, cách nhà ngoại khoảng 01km, cách nhà nội khoảng 02km. Hiện nay, hai cháu đi học mỗi ngày do ông ngoại đưa đi học. Thu nhập của bà R hiện nay thì ông T không rõ. Hàng tháng, ông bà ngoại có hỗ trợ phần nào để nuôi hai cháu hay không thì ông T cũng không rõ. Ông T làm tài xế của Công ty thức ăn, ngoài ra cũng có làm ruộng để kiếm thêm, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà R thì ông T có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà R.

+ Về con chung: Ông T đồng ý giao cháu Y cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu X đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà R tự thỏa thuận, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; trường hợp hai bên có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà R; Về hôn nhân: Cho bà R được ly hôn với ông T; Về con chung: Giao cháu X và cháu Y cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu X và cháu Y cho ông T không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà R không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Do bà R và ông T tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà R được ly hôn với ông T; về con chung, bà R yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu X sinh ngày 17/5/2010 và cháu Y sinh ngày 26/11/2013 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, bà R và ông T tự thỏa thuận, nên bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà R và ông T là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2010, nên quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà R và ông T đều thừa nhận sau khi kết hôn thì giữa hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; hiện nay hai người cũng đã sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng hai người không tìm ra được cách thức để hàn gắn tình cảm và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, từ đó việc hòa giải không thành. Việc bà R và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà R vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà R. Vì vậy, việc bà R yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho bà R được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà R và ông T có với nhau 02 người con chung là cháu X sinh ngày 17/5/2010 và cháu Y sinh ngày 26/11/2013. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

[5] Bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và ông T cũng đồng ý giao cháu Y cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay cháu Y (từ đủ 07 tuổi trở lên) có nguyện vọng được sống chung với bà R trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà R và ông T ly hôn với nhau. Đây là sự thỏa thuận giữa bà R và ông T về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y sau khi ly hôn, phù hợp với quy định pháp luật nêu trên.

[6] Bà R và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X; hiện nay cháu X (từ đủ 07 tuổi trở lên) có nguyện vọng được sống chung với bà R trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà R và ông T ly hôn với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bà R, ông T và ông R1, bà R2 (là cha mẹ ruột của bà R) đều xác định từ khoảng 01 năm nay thì cháu X và cháu Y đã sống cùng nhau tại nhà của ông R1, bà R2 và do bà R là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; hai cháu đều đang học tại Trường tiểu học C1 2 và do ông R1 là người đưa rước đi về mỗi ngày; vì hai cháu là anh em ruột và đã có một khoảng thời gian sống và đi học cùng nhau, nên việc tách rời hai cháu ra sẽ làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của mỗi cháu. Về điều kiện thu nhập cũng như hoàn cảnh sinh sống thì hiện nay bà R đang sống tại nhà của ông R1, bà R2, việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu X và cháu Y có sự hỗ trợ từ ông R1, bà R2, nên bà R có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

[7] Từ cơ sở đó, căn cứ theo sự thỏa thuận của bà R và ông T về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y sau khi ly hôn, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của cả cháu X và cháu Y cũng như xem xét nguyện vọng của hai cháu về việc mong muốn được sống chung với bà R trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà R và ông T ly hôn với nhau, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà R, giải quyết giao cả cháu X và cháu Y cho bà R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom cháu X và cháu Y để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y của bà R. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu X và cháu Y của ông T. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà R không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu X và cháu Y, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà R và ông T tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà R và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà R phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà R được ly hôn với ông T. (*Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 42, quyển số: I/2009, ngày đăng ký: 16/3/2010, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp*)

1.2. Về con chung: Giao 02 người con chung gồm cháu X sinh ngày 17/5/2010 và cháu Y sinh ngày 26/11/2013 cho bà R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này.

- Ông T không được lạm dụng việc thăm nom cháu X và cháu Y để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y của bà R. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu X và cháu Y của ông T theo quy định của pháp luật.

- Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi cháu X và cháu Y có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà R không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu X và cháu Y, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà R và ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà R và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà R phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà R đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008305, ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà R đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt